

Bản án số: 28/2024/DS-ST  
Ngày: 22-4-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thuận
2. Ông Trần Minh Thân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 364/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH M**, địa chỉ: **Tầng E Khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, Tp Hồ Chí Minh**. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Huyền T**, chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T1**, ông **Lê Đức L**, chức vụ: Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 01/2023/UQ-GLXDT ngày 25/10/2023). Ông **Lê Đức L** ủy quyền cho ông **Trần Đình L1**, ông **Lê Đăng H** (Văn bản ủy quyền số 144/2023/GUQ-GLXDTVPN ngày 06/11/2023), chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: **Tầng D, số A P, quận H, Tp Đà Nẵng**. Ông **L1** có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1964 và bà **Hồ Thị L2**, sinh năm 1966, cùng nơi ĐKKTT: **Tổ C, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng**; cùng nơi cư trú: **F P, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng**. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1999. Nơi ĐKKHKT: **Tổ C, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng**. Nơi cư trú: **F P, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng**. Vắng mặt.

+ **Ngân hàng TMCP V**. Trụ sở: **H L, phường L, quận Đ, Tp Hà Nội**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trần Đình L1** trình bày:*

Ngày 30/06/2023, **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty TNHH M (GalaxyDT)** đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3- 30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Theo đó, **V1** đồng ý bán và **GalaxyDT** đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã ký kết với **V1**. Cụ thể như sau:

Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** có vay vốn tại **Ngân hàng TMCP V** theo Hợp đồng cho số LN2012233194904 ngày 14/01/2021 với tổng số tiền là 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Thông tin cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô;
- Phương thức thanh toán: Trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tháng một lần vào ngày 10 hằng tháng.

Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,5%/năm (với một năm là 365 ngày), mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân, hết 24 tháng lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 01/10, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/01/2023, ngày điều chỉnh tiếp theo là 01/04/2023 theo lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm;

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA mang BKS số 43A- 593.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do **Phòng C1 Công an T2** cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà **Nguyễn Thị Thúy N**. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 14/01/2021 đã được Phòng Công chứng chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã trả được cho Ngân hàng số tiền 116.102.447 đồng, trong đó trả gốc là 70.125.818 đồng, trả lãi là 45.976.629 đồng. Kể từ ngày 11/07/2022, bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, tạm tính đến ngày 22/4/2024, tổng số tiền bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** còn nợ là: 443.057.860đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 325,874,182 đồng; Nợ lãi là: 117.183.678 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 16,175,333 đồng và lãi quá hạn là: 101.008.346 đồng).

**Công ty TNHH M** đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

a) Đề nghị Tòa án buộc bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty TNHH M** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 22/4/2024, tổng số tiền Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** còn nợ là 443.057.860đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 325.874.182 đồng; Nợ lãi là: 117.183.678 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 16.175.333 đồng và lãi quá hạn là: 101.008.346 đồng)

b) Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** thực tế thanh toán hết nợ cho **Công ty TNHH M**.

c) Đề nghị Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán lại cho **Công ty TNHH M** số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà **Công ty TNHH M** đã tạm ứng.

d) Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: **Công ty TNHH M** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty, cụ thể như sau: Xe ô tô nhãn hiệu KIA mang BKS số 43A-593.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do **Phòng C1 công an T2** cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà **Nguyễn Thị Thúy N**. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 14/01/2021 đã được Phòng Công chứng chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

*Đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hồ Thị L2**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thúy N**, **Ngân hàng TMCP V** vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần, không thể hiện ý kiến.*

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hồ Thị L2**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thúy N**, **Ngân hàng TMCP V** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Hồ Thị L2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy N, Ngân hàng TMCP V chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 299, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Công ty TNHH M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 22/4/2024, tổng số tiền Bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C còn nợ là 443.057.860đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 325.874.182 đồng; Nợ lãi là: 117.183.678 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 16.175.333 đồng và lãi quá hạn là: 101.008.346 đồng)

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty TNHH M.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Hồ Thị L2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Công ty TNHH M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty, cụ thể như sau: Xe ô tô nhãn hiệu KIA mang BKS số 43A-593.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do Phòng C1 công an T2 cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị Thúy N. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 14/01/2021 đã được Phòng Công chứng chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Hồ Thị L2 có nơi cư trú tại quận T, Tp Đà Nẵng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Hồ Thị L2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy N, Ngân hàng TMCP V vắng mặt không có lý

do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** có ký Hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng TMCP V** theo Hợp đồng cho số LN2012233194904 ngày 14/01/2021 với tổng số tiền là 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Thông tin cụ thể như sau: Số tiền vay: 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô; Phương thức thanh toán: Trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tháng một lần vào ngày 10 hằng tháng. Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,5%/năm (với một năm là 365 ngày), mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân, hết 24 tháng lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 01/10, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/01/2023, ngày điều chỉnh tiếp theo là 01/04/2023 theo lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Ngày 30/06/2023, **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty TNHH M** đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3- 30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Theo đó, **Ngân hàng TMCP V** đồng ý bán và **Công ty TNHH M** đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã ký kết với **Ngân hàng TMCP V**. Do đó **Công ty TNHH M** có quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C**. Xét thấy việc giao kết các Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã trả được số tiền 116.102.447 đồng, trong đó trả số tiền gốc là 70.125.818 đồng, trả số tiền lãi là 45.976.629 đồng. Ngày 11/7/2022, bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** đã vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, nhắc nhở, gửi thông báo đôn đốc nhưng bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến các khoản nợ quá hạn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH M**: Buộc bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty TNHH M** số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là 443.057.860đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 325.874.182 đồng; Nợ lãi là: 117.183.678 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 16.175.333 đồng và lãi quá hạn là: 101.008.346 đồng). Và tiếp tục tính lãi, phí phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho **Công ty TNHH M** là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng cho số LN2012233194904 ngày 14/01/2021, quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA mang BKS số 43A- 593.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do Phòng C1 Công an T2 cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị Thúy N. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 000191 ngày 14/01/2021 đã được Phòng Công chứng chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Hợp đồng thế chấp được ký giữa bà Nguyễn Thị Thúy N và Ngân hàng TMCP V là đúng quy định pháp luật, phù hợp với Điều 325 Bộ luật Dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M, trong trường hợp bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp ngày 14/01/2021, quy định tại Điều 299, 323 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C phải chịu 21.722.314 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, ba trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.097.243 đồng (Mười triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0001110 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M được chấp nhận nên bị đơn bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Công ty TNHH M đã nộp tạm ứng chi phí này nên bị đơn bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 299, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với bà Hồ Thị L2 và ông Nguyễn Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty TNHH M** số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024, là: 443.057.860đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 325.874.182 đồng; Nợ lãi là: 117.183.678 đồng (Lãi trong hạn là: 16.175.333 đồng và lãi quá hạn là: 101.008.346 đồng)

Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty TNHH M** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA mang BKS số 43A- 593.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do **Phòng C1 Công an T2** cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà **Nguyễn Thị Thúy N**.

Sau khi bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty TNHH M** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thúy N**: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43000484 do **Phòng C1 Công an T2** cấp ngày 11/01/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà **Nguyễn Thị Thúy N**.

### 3. Về án phí:

Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** phải chịu 21.722.314 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, ba trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Công ty TNHH M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.097.243 đồng (Mười triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0001110 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà **Hồ Thị L2** và ông **Nguyễn Văn C** thanh toán cho **Công ty TNHH M** số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Hưng**